

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/HS-ST
Ngày: 25-5-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Mến

2/ Ông Nguyễn Minh Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Nguyễn Mộng Cầm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Dương Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 5 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2018/TLST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 19 tháng 5 năm 1999 tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; Nơi cư trú: khu M1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Trường S và bà Trần Thị H; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt truy nã, tạm giữ ngày 28/3/2018 đến ngày 31/3/2018 chuyển tạm giam đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Huỳnh Văn G, sinh năm 1969. Có mặt

Địa chỉ: khu B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Nguyễn Thành N, sinh năm 1982. Có mặt

Địa chỉ: ấp A, xã N1, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long.

2/ Trần Thị H, sinh năm 1956. Có mặt

Địa chỉ: Khu M1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

3/ Huỳnh Văn N2, sinh năm 1949. Có mặt

Địa chỉ: ấp B1, xã N1, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long.

- Người làm chứng:

1/ Huỳnh Tấn Đ, sinh năm 1998. Vắng mặt

Địa chỉ: khu B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2/ Trần Văn Hoài T2, sinh ngày 01/7/1999. Vắng mặt

Địa chỉ: khu D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

3/ Đoàn Thị Mộng T3, sinh năm 1976. Có mặt

Địa chỉ: khu B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

4/ Nguyễn Trường H, sinh năm 1988. Vắng mặt

Địa chỉ: khu B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sau khi uống bia và hát karaoke tại quán A thuộc khu B, thị trấn T, huyện T, khoảng 01 giờ sáng ngày 14/11/2017 bị cáo Nguyễn Hải Đ cùng với Trần Văn Hoài T2 và Huỳnh Tấn Đ ra tính tiền về, T2 và Đ bỏ về trước, tiền phiếu là 1.600.000đ bị cáo không đủ tiền trả nên chủ quán giữ xe mô tô biển số kiểm soát 64F1-316.42 của bị cáo lại và yêu cầu sáng đến trả tiền quán mới cho lấy xe. Bị cáo đi bộ qua nhà của Đ tại khu 7, thị trấn Trà Ôn tìm Đ, khi đến nhà Đ không gặp Đ, thấy nhà không khóa cửa, bị cáo vào nhà tìm Đ nhưng không gặp ai. Khi trở ra, bị cáo thấy xe mô tô biển kiểm soát 84B1-133.54 của ông Huỳnh Văn G (Cha của Đ) đậu gần giường ngủ, trên xe có gắn chìa khóa nên bị cáo dẫn xe ra lộ và điều khiển xe đi thuê phòng trọ nghỉ. Đến khoảng 9 giờ ngày 14/11/2017 bị cáo điều khiển xe kiểm soát 84B1-133.54 (xe của ông G) đến tiệm sửa xe L ngụ ấp Đ1, xã N1, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long kêu bán xe cho anh Nguyễn Thành N (chủ tiệm sửa xe L) với giá 2.500.000đ, anh N đồng ý mua và trả trước số tiền 1.000.000đ khi nào có đủ giấy tờ xe sẽ trả số tiền còn lại. Số tiền bán xe không đủ trả tiền ở quán karaoke A nên bị cáo đi chơi game và tiêu xài cá nhân hết. Đến khoảng 15 giờ ngày 14/11/2017 bị cáo đến gặp ông G thừa nhận việc trộm xe và cam kết chuộc xe về trả cho ông G, đồng thời đến Công an thị trấn Trà Ôn đầu thú.

Tại kết luận định giá tài sản số 49/KLHĐ-ĐGTS ngày 28/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện Trà Ôn kết luận: 01 xe mô tô biển số kiểm soát 84B1-133.54 hiệu Dam san C100 màu nâu có giá là 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngày 28/12/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Trà Ôn ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Nguyễn Hải Đ về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Sau khi được tại ngoại điều tra, bị cáo bỏ đi khỏi địa phương, do không làm việc được nên ngày 26/02/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Trà Ôn ra Quyết định truy nã đối với bị cáo. Ngày 28/02/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra ra quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự, tạm đình chỉ điều tra bị can đối với Nguyễn Hải Đ.

Ngày 28/3/2018 Phòng PC52 Công an tỉnh Thái Bình bắt Nguyễn Hải Đ theo Quyết định truy nã của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Trà Ôn. Cùng ngày Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Trà Ôn ra Quyết định đình nã và Quyết định phục hồi điều tra vụ án hình sự, quyết định phục hồi điều tra đối với Nguyễn Hải Đ về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại bản cáo trạng số 10/CT-VKSTÔ ngày 06/5/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn đã truy tố bị cáo Nguyễn Hải Đ về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Hải Đ khai nhận: Bị cáo thống nhất kết luận định giá tài sản số 49/KLHD-ĐGTS ngày 28/11/20017 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Trà Ôn. Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn truy tố đúng hành vi phạm tội của bị cáo nên bị cáo đã tác động gia đình chuộc lại tài sản trả cho người bị hại. Do bị cáo sợ bị ở tù nên đã bỏ trốn khỏi địa phương, bị cáo ăn năn về hành vi đã làm và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại ông Huỳnh Văn G: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không yêu cầu bị cáo bồi thường vì đã nhận lại tài sản.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Huỳnh Văn N2, bà Trần Thị H, anh Nguyễn Thành N không yêu cầu gì đối với bị cáo về trách nhiệm dân sự.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị: Giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Hải Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, g, h, p khoản 1, 2 điều 46, điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Hải Đ từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về vật chứng: Người bị hại đã nhận lại tài sản bị mất, không có yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đề nghị xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Không yêu cầu xem xét.

Về án phí: Đề nghị buộc bị cáo nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 6, khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin lỗi cha mẹ.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về áp dụng pháp luật giải quyết vụ án: Sự việc xảy ra ngày 14/11/2017 trước ngày Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực thi hành. Căn cứ nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015. Xét thấy khoản 1 điều 173 của Bộ luật năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 là bất lợi cho bị cáo hơn so với khoản 1 điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 để giải quyết vụ án.

[2] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Trà Ôn, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai tại cơ quan điều tra, người làm chứng, kết luận giám định cùng các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, qua đó xác định: Khoảng 01 giờ sáng ngày 14/11/2017 bị cáo Nguyễn Hải Đ có hành vi lén lút lấy trộm xe mô tô biển số kiểm soát 84B1-133.54 hiệu Dam san C100 màu nâu của ông Huỳnh Văn G đang để trong nhà không có người trông coi. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày bị cáo mang xe vừa trộm bán cho anh Nguyễn Thành N (chủ tiệm sửa xe L) lấy số tiền 1.000.000đ chơi game và chi xài cá nhân hết. Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 49/KLHĐ-ĐGTS ngày 28/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện Trà Ôn kết luận: 01 xe mô tô biển số kiểm soát 84B1-133.54 hiệu Dam san C100 màu nâu có giá là 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng). Như vậy, có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Hải Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 138 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn đã truy tố bị cáo.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn nhanh chóng có tiền tiêu sài nên đã xâm phạm đến tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu về an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, gây tâm lý hoang mang lo sợ cho người

dân tại khu vực. Sau khi phạm tội, bị cáo đã viết cam kết sẽ có mặt tại địa phương, trình diện khi Cơ quan điều tra triệu tập và Cơ quan điều tra đã ra quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú. Nhưng bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương, Cơ quan điều tra phải ra quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự, tạm đình chỉ điều tra bị can và ra Quyết định truy nã đối với bị cáo, gây khó khăn trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử. Từ đó, cho thấy bị cáo có thái độ xem thường sự trừng phạt của pháp luật, xem thường tài sản của người khác nên cần phải xử lý nghiêm khắc nhằm răn đe giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo đã tác động gia đình chuộc tài sản trả lại cho người bị hại; Bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; Bị cáo mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Hội đồng xét xử cần cân nhắc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại b, g, h, p khoản 1, 2 điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 khi lượng hình đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa, nhằm tạo điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo trở người hữu dụng sau này.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

[6.1] Bị hại Huỳnh Văn G đã nhận lại tài sản bị mất trộm và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[6.2] Đối với số tiền 1.000.000đ ông Huỳnh Văn N2, bà Trần Thị H đã bỏ ra để chuộc xe trả lại cho người bị hại, ông N2, bà H không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[7] Về vật chứng: Đối với 01 xe mô tô biển số kiểm soát 84B1-133.54 hiệu Dam san C100 màu nâu của ông Huỳnh Văn G. Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông G, ông G không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Hải Đ phải nộp 200.000đ theo quy định tại khoản 2 điều 135, khoản 2 điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điều 6, khoản 1 điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hải Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hải Đ 06 (sáu) tháng tù.

Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, ngày 28/3/2018.

3. Án phí hình sự sơ thẩm:

Áp dụng: khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 6, khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Hải Đ nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn;
- Công an huyện Trà Ôn;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Ôn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(*Đã ký*)

Nguyễn Thị Thu Nga